

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT22B2**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH02228**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh chuyên ngành**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2254801022263	Lê Minh An	27/11/2007				5	4.0	6.0			5.6		5.4
2	2254801022264	Nguyễn Tuấn Đạt	13/09/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
3	2254801022265	Nguyễn Ngọc Giàu	22/10/2007				7	4.0	7.5			7.3		6.8
4	2254801022267	Nguyễn Lý Anh Hào	15/11/2007				8	8.0	8.5			7.9		8.0
5	2254801022268	Dương Gia Hiếu	22/10/2007				8	7.5	6.5			6.8		7.0
6	2254801022270	Nguyễn Thanh Hoàng	24/09/2006				9	9.0	8.0			2.8	5.0	6.4
7	2254801022277	Đỗ Văn Nam	08/09/2007				8	9.0	5.0			6.8		7.0
8	2254801022279	Đào Duy Phát	24/08/2007				8	7.0	9.0			6.5		7.1
9	2254801022280	Vũ Minh Phát	15/11/2007				7	10.0	10.0			9.1		9.2
10	2254801022281	Lê Thanh Phúc	10/07/2007				9	7.5	8.5			8.4		8.3
11	2254801022282	Mohamad Fa Shol	22/08/2005				8	8.5	9.0			8.4		8.5
12	2254801022284	Nguyễn Hữu Tín	22/02/2007				9	5.5	9.0			8.3		8.0
13	2254801022285	Nguyễn Nhựt Trường	02/10/2007				9	5.0	5.0			6.5		6.2
14	2254801022286	Nguyễn Công Tuấn Tú	02/05/2007				8.5	8.0	8.0			6.6		7.2
15	2254801022287	Trần Đức Thiên Tường	01/01/2007				9	3.5	7.5			0.0	0.0	2.5
16	2254801022288	Trịnh Quang Vinh	22/03/2005				10	8.5	9.0			7.9		8.3
17	2254801022289	Trần Tuấn Vỹ	09/11/2007				8	4.0	7.5			6.1		6.1
18	2254801022291	Trần Hoàng Tín	29/09/2003				9	6.5	9.0			0.0	0.0	3.2

Châu Đốc, ngày 19 tháng 7 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đỗ Thị Hải Nhi